

TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VỀ DÂN SINH VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HÀI HOÀ

LÊ THỊ LAN(*)

Trong bài viết này, tác giả đã góp phần làm rõ thêm những nội dung cơ bản trong các tư tưởng quan trọng của Nguyễn Trường Tộ về dân sinh và xây dựng xã hội hài hoà. Điều đáng quý ở Nguyễn Trường Tộ là, ông không những đưa ra những nội dung cụ thể, rõ ràng về dân sinh, mà còn luôn trăn trở tìm kiếm các phương thức mưu sinh cho dân chúng. Đồng thời, ông còn đưa ra những tư tưởng sâu sắc về xã hội hài hoà cũng như các phương pháp để thực hiện xã hội lý tưởng. Theo tác giả, tư tưởng về dân sinh và xã hội hài hoà của Nguyễn Trường Tộ đầy sức sống, có giá trị gợi mở đối với việc xây dựng một đường lối phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta hiện nay.

Dân sinh, xây dựng và quản lý xã hội là những chủ đề nền tảng của các học thuyết tư tưởng phương Đông, đặc biệt là Nho giáo. Coi nông nghiệp là gốc của dân sinh, coi xã hội dựa trên nền tảng sản xuất nông nghiệp, coi sự phân chia bốn giai tầng xã hội “sĩ, nông, công, thương” có lợi ích và vai trò không đối kháng mà nương tựa lẫn nhau với mô hình xã hội có sự hoà hợp giữa các giá trị đạo đức nhân sinh: vua sáng tối hiền, trên dưới hoà mục, dân chúng yên nghiệp nông tang... là chuẩn mực của một xã hội lý tưởng theo quan điểm Nho giáo. Với sự du nhập của Nho giáo, những chuẩn mực tư duy này ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài tới tư tưởng chính trị xã hội Việt Nam.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, khi Việt Nam đứng trước nguy cơ mất độc lập dân tộc, có rất nhiều trí thức nhận thấy sự yếu kém về nội lực kinh tế, quân sự của đất nước và đã gửi lên triều đình rất nhiều kiến nghị cải cách các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quân sự, xã hội, chính trị. Các kiến nghị này không chỉ nhằm mục đích trước mắt là tự lực tự cường, nâng cao sức mạnh vật chất, cả về quân sự và kinh tế để chống lại cuộc xâm

lược của thực dân Pháp, mà còn nhằm mục tiêu xa hơn và lâu dài, đó là xây dựng đất nước phát triển về mọi mặt sánh ngang, thậm chí vượt các cường quốc đương thời. Điển hình cho các nhà tư tưởng cải cách thời kỳ này là Nguyễn Trường Tộ, một người Công giáo đã có những tư tưởng vượt trước thời đại. Sau khoảng thời gian hơn 140 năm nhìn lại, chúng ta thấy các tư tưởng cải cách xã hội của ông, đặc biệt là về dân sinh và xây dựng một xã hội hài hoà, vẫn đầy tính gợi mở.

1. Tư tưởng về dân sinh

Dân sinh là vấn đề nền tảng trong học thuyết Nho giáo nhưng lại bị chìm khuất sau những vấn đề khác và được coi là một vấn đề mặc định được giải quyết trên phương diện tư tưởng với quan điểm trọng nông. Sự tồn tại sớm và lâu dài của phương thức sản xuất châu Á trong xã hội phương Đông càng củng cố tư tưởng coi nông nghiệp là lĩnh vực chủ đạo để duy trì đời sống xã hội. Sự phân biệt đẳng cấp xã hội theo mức độ trọng thị từ cao xuống thấp: sĩ, nông, công, thương cho thấy định hướng xã

(*) Tiến sĩ, Phó trưởng phòng Triết học Việt Nam, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

hội đã được cố định hoá thành công thức khó thay đổi trong đời sống tinh thần xã hội. Học thuyết chính trị của Mạnh Tử có đặt ra ba giai đoạn cho việc thi hành chính sự: phú, thứ, giáo; coi việc làm cho dân giàu là việc cần làm trước hết của nhà cầm quyền, nhưng phạm vi làm cho dân giàu này mới chỉ được hiểu trong văn cảnh khuyến khích người dân chăm nghề nông tang sao cho đạt được lý tưởng; trẻ nhỏ thì được học hành, người già thì có lụa mặc...

Tư tưởng xây dựng một xã hội dân sinh trọng nông của Nho giáo càng được củng cố với tư tưởng đạo đức trọng nghĩa hơn lợi. Những tư tưởng đức trị này được triều Nguyễn tiếp thu một cách cực đoan thành tư tưởng trọng nông ức thương, trọng nghĩa hơn lợi và cụ thể hoá vào các chính sách cai trị, điều hành đất nước. Tuy nhiên, triều Nguyễn nói riêng, thế giới Nho giáo nói chung đã thất bại trong những nỗ lực xây dựng một nền dân sinh trừ phú chỉ dựa trên nông nghiệp. Mất mùa, đói kém liên miên là tình trạng phổ biến dưới mọi triều đại phong kiến.

Quan niệm về dân sinh của Nguyễn Trường Tộ hết sức cụ thể, rõ ràng: "Tôi nghĩ, trong ngũ phúc, phú đứng đầu, triệu dân trước tiên lo ăn", "Nếu bị cái nghèo đói thúc bách thì lo kế sống cũng không xong, còn hơi đâu mà bàn lễ nghĩa"(1). Ông đã kích quan niệm lễ nghĩa suông của các hủ nho đương thời và khẳng định nền tảng của cuộc sống nhân sinh là kinh tế. Là người nhận thức sâu sắc tình trạng kinh tế nghèo nàn của đất nước, ông chỉ rõ: "Ngày nay, cái mà ta thiếu thốn nhất là tiền của. Vì không có tiền của cho nên trăm việc, việc gì cũng không làm được"(2). Từ đó, Nguyễn Trường Tộ luôn trăn trở tìm các phương thức mưu sinh cho dân chúng, đề xuất tư tưởng kinh tế khuyến khích người dân làm giàu bằng nhiều con đường: khai

thông nội và ngoại thương, khai thác tài nguyên khoáng sản, phát triển sản xuất hàng hoá, tăng cường sản xuất nông nghiệp... theo phương châm: "Nếu lợi cho dân thì không cứ phải theo xưa, nếu thích hợp thì không cứ phải theo cũ, nếu học điều khôn thì không cứ là của địch hay của ta"(3). Ông nhấn mạnh sự khác biệt mới về chất trong tư tưởng dân sinh khi kiến nghị nhà nước tích cực tổ chức nền kinh tế sản xuất hàng hoá: "Cái tôi gọi là làm cho có nhiều của ở đây không có nghĩa là nói bòn rút của dân để làm cho nước giàu, mà là nhân nguồn lợi tự nhiên của trời đất để sinh ra của. Do đó, nước giàu mà dân cũng giàu"(4). Tìm kiếm sự thống nhất về lợi ích giữa nhà nước và nhân dân bằng con đường tự do thương mại, khuyến khích nền sản xuất hàng hoá, coi phát triển kinh tế là mấu chốt nâng cao nội lực xây dựng một đất nước vững mạnh, đó là thực chất trong tư tưởng dân sinh của Nguyễn Trường Tộ: "Trong một nước, phạm việc dân như việc hưng lợi, tuy do người trên xướng lên, có khuyến khích hướng đạo rõ ràng, nhưng do cả nước ở dưới làm. Nếu như ở trên việc gì cũng tự làm lấy cả thì sự phiền phức thật không kể xiết. Việc làm đó ban đầu thì lợi quy về dân mà cuối cùng là quy về nước như các hội ở phương Tây. Nhưng dù trước hay sau cũng đều có lợi chung giữa công và tư"(5).

Nguyễn Trường Tộ đưa ra những điều lợi cho dân sinh và đất nước nếu triều đình mời gọi nước ngoài khai nguồn lợi theo con

(1) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1988. tr. 64.

(2) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.161.

(3) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.150.

(4) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.141.

(5) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.161.

đường hợp tác khai thác tài nguyên, phát triển sản xuất, tự do thương mại:

- Lợi ích kinh tế theo phần trăm thoả thuận giữa nhà nước với hội nước ngoài (công ty);

- Dân thấy có lợi sẽ bắt chước làm theo;

- Việc thuê mướn nhân công trong nước sẽ giúp giải quyết nạn dư thừa sức lao động, tránh nạn trộm cướp nảy sinh do nông dân nghèo khó không kể sinh nhai quần bách làm liều;

- Tăng nguồn hàng hoá vật dụng sinh hoạt thiết yếu do giao lưu hàng hoá Đông - Tây;

- Phát triển các ngành kinh doanh nhỏ phục vụ đời sống hàng ngày (dịch vụ);

- Phát triển xây dựng, buôn bán, cho thuê nhà đất;

- Phát triển giao thông;

- Phát triển an sinh, phúc lợi xã hội: bệnh viện, trường học, viện tế bần, trại trẻ mồ côi,...(6).

Trong thời đại của mình, Nguyễn Trường Tộ không có điều kiện tiếp xúc với những học thuyết kinh tế lừng danh của A.Smith hay học thuyết tư bản của C.Mác nên tư tưởng dân sinh của ông thiếu tầm cao và độ sâu lý luận đương đại. Ông chưa nhận thức được những điều hại, hay mặt trái của quan hệ hợp tác kinh tế bất bình đẳng, sự lệ thuộc kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực về văn hoá xã hội khi cơ cấu kinh tế chuyển đổi, v.v.. Tuy nhiên, bằng vốn tri thức tự bồi dưỡng, bằng năng lực tư duy của bản thân và ham muốn góp phần vào sự thay đổi tình thế hiểm nghèo của đất nước, ông đã xác tín rằng xây dựng kinh tế dựa trên sự phát triển nền sản xuất hàng hoá là con đường tất yếu phải thực hành hàng trăm năm: "Muốn áp dụng kế này (làm cho dân giàu nước mạnh - TG.) phải gấp rút khai thác các nguồn lợi (khai thác các nguồn lợi về rừng, biển, đất đai,

khoáng sản, thuế, thương mại) và phải nhờ người khác giúp sức... nếu được gấp rút ứng dụng thì dần dần sẽ thấy kết quả. Nếu chậm ứng dụng thì chậm đến đâu cũng không thể nào bỏ qua không dùng những kế đó, mà có thể chống lại với địch. Hơn nữa, dùng kế này không những chống được Pháp, mà còn để phòng được thiên hạ... Muốn thành được việc lớn phải đấu tranh hàng trăm năm, chứ đâu phải một hơi mà được"(7).

Từ những phân tích trên, chúng ta thấy, quan điểm xây dựng nền kinh tế hàng hoá để "dân giàu mà nước cũng giàu", "trong ngũ phúc, phú đứng đầu" là quan điểm cốt lõi, chủ đạo trong tư tưởng dân sinh của Nguyễn Trường Tộ. Từ tư tưởng dân sinh nền tảng đối lập hoàn toàn với truyền thống này, ông đã triển khai các tư tưởng cải cách về giáo dục, văn hoá, ngoại giao, chính trị... thành một hệ thống tương đối đồng bộ, có sức thuyết phục lớn đối với triều đình vua Tự Đức.

2. Tư tưởng về xã hội hài hoà

Tư tưởng dân sinh của Nguyễn Trường Tộ được đặt trong khuôn khổ quan niệm của ông về xã hội hài hoà.

Hoà là trạng thái lý tưởng nhất mà Nho giáo mong muốn đạt được trên mọi lĩnh vực đời sống vật chất và tinh thần. Trong phạm vi chính trị - xã hội, một xã hội hoà được biểu hiện cụ thể bằng những chuẩn mực rõ ràng: vua sáng, tôi hiền, trên dưới hoà mục, với mô hình lý tưởng là xã hội thái bình thịnh trị thời vua Nghiêu, vua Thuấn. Như vậy, trong mô hình này sự thống nhất, hoà hợp giữa các phẩm chất đạo đức, các giá trị tinh thần là tiêu chuẩn được làm nổi bật. Tuy nhiên, những giá trị vật chất dân

(6) Trương Bá Cán. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.161-162.

(7) Trương Bá Cán. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđđ., tr.150-151.

sinh, như trẻ nhỏ được học hành, người già có lụa mặc (sự đảm bảo an sinh xã hội cho các tầng lớp) cũng là những tiêu chuẩn nền tảng chứng tỏ một xã hội hoà.

Nguyễn Trường Tộ, *một mặt* kế thừa lý tưởng xã hội của Nho giáo; *mặt khác*, bổ sung thêm một số ý tưởng trên cơ sở tiếp thu tư tưởng Kitô giáo và tư tưởng chính trị - xã hội đương thời để bày tỏ quan niệm riêng của mình về một xã hội hài hoà.

Tiếp thu tư tưởng về *hoà* của cả Nho giáo lẫn Công giáo, Nguyễn Trường Tộ quan niệm sự hài hoà trước hết là một quy luật phổ biến thể hiện đức hiếu sinh của trời đất, vũ trụ, mà nhờ đó, mọi vật được bảo toàn thiên tính vốn có "Trời đất không vì tốt xấu mà phân biệt mưa sương, không vì vấn minh hay dã man mà phân biệt sự che chở. Muôn vật sống chung đưng với nhau nhưng mỗi vật đều thuận theo tính của nó, hợp với cái dụng của nó, theo đường hướng của nó, đều tự thích nghi, thành hoại thông với nhau, tản mạn đặc thù đều quy về một mối, không bỏ vật nào, cũng không tác thành riêng vật nào. Sở dĩ trời đất vĩ đại là vì thế"(8). Như vậy, quan niệm về *hoà* của Nguyễn Trường Tộ không bài xích sự khác biệt; ngược lại, ông nhấn mạnh *hoà* là sự thống nhất của những khác biệt, như một luật vũ trụ (với Nguyễn Trường Tộ, đó là tạo vật, là Chúa), tạo nên sự vĩ đại, vẻ đẹp vĩnh hằng của đời sống.

Triển khai quan niệm *hoà* vào lĩnh vực chính trị - xã hội, Nguyễn Trường Tộ cho rằng, xã hội hoà trước hết là một xã hội trong đó người dân được đảm bảo dân sinh, yên ổn làm ăn, sinh sống theo bản tính của mình: "Trong một nước, tuy nhân dân có phân chia nhà cửa khác nhau, nhưng vua cũng chỉ lấy một quyền mà thống trị dân chúng, lấy một trí mà liên kết muôn dân, khiến dân tình đều được yên ổn, hành động tuy khác nhau nhưng đều lương thiện, chỉ

hướng khác nhau nhưng không trái quý cả"(9). Vì vậy, ông kiến nghị vua nên đề thuyết phục triều đình giữ yên ổn, đoàn kết trong dân chúng, để tiến hành các chính sách phân biệt tôn giáo: "Vua đối với dân, là người *thấp* mà chân đất, theo ý trời mà hành động. Dân sinh ở trên đời, tuy tiếng nói khác nhau, sự yêu chuộng khác nhau, kẻ xứ lạnh, người xứ nóng khác nhau, đến hay *đi* thuận hay nghịch, miễn sao biết trung hiếu là được, cần gì phải câu nệ hình tích bên ngoài mà không xét đến cái gốc ở trong tâm, càng *ép* phải giống nhau để gây rối loạn"(10). Như vậy, cơ sở duy trì sự hài hoà về xã hội là tôn trọng sự phát triển tự do của các nhóm lợi ích kinh tế, văn hoá, tôn giáo khác nhau trong một khuôn khổ chính trị, luật pháp chung mà đại diện là quyền cai trị của nhà vua.

Xã hội hoà cũng là xã hội *đảm bảo* sự chính danh, trong đó "vua có bốn phận của vua, quan có bốn phận của quan, dân có bốn phận của dân. Danh phận mỗi người đều có cái quý trọng riêng"(11). Xã hội hoà lý tưởng theo quan niệm của Nguyễn Trường Tộ cũng không nằm ngoài khuôn khổ Nho giáo khi "Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước chỉ dùng người hiền, đã theo công lý, giữ pháp luật thì lệnh trên sẽ hợp điển chế... Kẻ làm dân... thì hết lòng làm sao cho thiên hạ kính trọng vua mình hơn"(12). Ngoài ra, ông còn đề cao tư tưởng quản lý xã hội, duy trì sự hoà hợp xã hội bằng pháp luật: "Bất kỳ trong đạo giáo

(8) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđd., tr.115.

(9) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđd., tr.116.

(10) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđd., tr.115.

(11) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđd., tr. 176

(12) Trương Bá Cẩn. Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Sđd., tr. 176.

nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình pháp không tha để đạo giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên, có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì bắt phải nhất tề những cái mà tạo vật không thể nhất tề, cũng không cần phải nhất tề, để làm tổn thương hoà khí?”(13). Tuy nhiên, việc đặt nhà vua trong khuôn khổ pháp luật theo tinh thần pháp quyền phương Tây là một ý tưởng mới về xã hội hoà của Nguyễn Trường Tộ: “Kể làm vua biết rõ cái điều trời phó thác cho mình là nặng nề, mọi hoạ phúc đều do trách nhiệm ở vua, cho nên tự hạ mình ghép vào vòng pháp luật”(14). Theo ông, quyền được thông tin việc nước và tự do ngôn luận cũng là một trong những tiêu chuẩn xây dựng một xã hội hài hoà: “Điều thẳng lẽ công đều công bố cho thiên hạ, việc sai đúng phải cho mọi người bàn luận, không dám tự mình che giấu bào chữa cho cái xấu”(15).

Từ những phân tích nêu trên, chúng ta thấy tư tưởng về xây dựng một xã hội hài hoà của Nguyễn Trường Tộ căn bản dựa trên những nguyên tắc sau:

Thứ nhất, xã hội hài hoà là một xã hội ổn định; trong đó, quyền sống, mưu sinh, tự do phát triển, tự do tôn giáo và những quyền con người cơ bản khác được tôn trọng.

Thứ hai, xã hội hài hoà đó được cai quản bởi nhà vua sáng suốt, trọng dụng người hiền tài trong quản lý, điều hành xã hội trong một thể chế luật pháp nghiêm minh mà tất cả dân chúng và vua quan đều phải tuân thủ.

Thứ ba, xã hội hài hoà đó phải được dựa trên một nền tảng kinh tế phát triển; trong đó, lợi ích của các nhóm khác nhau được tôn trọng trên cơ sở pháp luật.

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng chính trị - xã hội phong kiến, quan niệm về

xây dựng xã hội hoà hợp của Nguyễn Trường Tộ lấy chữ *hoà* làm giá trị trung tâm, lấy sự tự nhận thức của giới chức lãnh đạo làm đòn bẩy cho sự thay đổi hướng tới xã hội lý tưởng. Phương pháp ôn hoà, cải cách, trí tuệ được ông coi là tối ưu để đạt được các tiến bộ trên con đường thực hiện một xã hội hoà hợp lý tưởng.

Tư tưởng về xây dựng xã hội hài hoà của Nguyễn Trường Tộ chưa thể hiện được sự nhận thức những mâu thuẫn gay gắt về lợi ích giữa các nhóm xã hội, giữa các cộng đồng tôn giáo, giữa tầng lớp thống trị và khối dân chúng bị trị, giữa dân tộc và đế quốc khiến cho xung đột không ngừng nảy sinh; do đó, ông cũng không đưa ra được những giải pháp phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, quan niệm của ông về xã hội lý tưởng như một xã hội hoà hợp của các nhóm xã hội, tôn giáo trên cơ sở pháp luật, sự thịnh vượng, tôn trọng các quyền con người cơ bản là một quan niệm có giá trị lâu dài trong tư duy chính trị - xã hội. Đặc biệt, khi coi các phương pháp ôn hoà, trí tuệ, cải cách là phương thức tối ưu để xây dựng xã hội hoà hợp lý tưởng, Nguyễn Trường Tộ đã đưa ra một tư tưởng có ý nghĩa nhân văn rộng lớn, có tính thời đại sâu sắc không bó hẹp trong khuôn khổ của dân tộc ở thế kỷ XIX.

Với những giá trị đó, sức sống của tư tưởng dân sinh và xây dựng xã hội hài hoà của Nguyễn Trường Tộ là điều không thể phủ nhận trong lịch sử tư tưởng dân tộc. Những tư tưởng của ông chứa đựng nhiều gợi mở có ý nghĩa đối với việc xây dựng một đường lối phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu hiện đại của dân tộc. □

(13) Trương Bá Cẩn *Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo*. Sđd., tr. 118

(14) Trương Bá Cẩn *Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo*. Sđd., tr. 175.

(15) Trương Bá Cẩn *Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo*. Sđd., tr. 176.